

Bản án số: 164/2019/DS-PT

Ngày: 11-3-2019

V/v: “*Tranh chấp vay tài sản  
và thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền

*Các Thẩm phán:*

1/ Bà Đặng Huyền Phương

2/ Ông Uông Văn Tuấn

**- Thư ký ghi biên bản:** Bà Nguyễn Thanh Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Phạm Hoàng Lâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 tháng 02 và 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 572/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2018, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 356/2018/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: đường H3, khu phố 3, phường O3, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phan Đức A, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: 1137A đường H1, phường O1, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 006412 ngày 31/7/2017 của Văn phòng công chứng X4)

2. *Bị đơn*: Ông Châu Đại Q, sinh năm 1960;

Địa chỉ: số A4-37, Lô R2-3, phường O5, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Bà **Nguyễn Minh L**, sinh năm 1964;

Địa chỉ liên hệ: 60/10B đường I1, Khóm Đ3, phường N2, thành phố L5, tỉnh A2. (có mặt)

(Giấy ủy quyền số 003390 ngày 08/5/2015 của Văn phòng công chứng X4)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **Công ty TNHH T**.

Địa chỉ: 53/20 đường số 2, phường N2, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T*: Bà **Nguyễn Minh L**, sinh năm 1964; (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: 60/10B đường I1, Khóm Đ3, phường N2, thành phố L5, tỉnh A2.

(Giấy ủy quyền ngày 28/8/2015 của Công ty TNHH T)

4. *Người kháng cáo*: Bị đơn – Ông Châu Đại Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

*Đại diện nguyên đơn – Ông Phan Đức A trình bày*: Ông Huỳnh Văn D và Ông Châu Đại Q là chỗ bạn bè thân thiết, trong công việc làm ăn thỉnh thoảng hỗ trợ lẫn nhau khi gặp khó khăn nên từ năm 2012 đến năm 2014 ông D đã cho Ông Q vay nhiều lần tiền để Ông Q giải quyết việc khó khăn của Công ty TNHH T, không ghi giấy nợ và giữa các ông có các khoản nợ như sau:

Khoản nợ thứ nhất: Ngày 05/6/2013 sau khi hai ông ngồi tính toán lại số tiền còn nợ lẫn nhau đã chốt lại số tiền nợ như sau: Ông Huỳnh Văn D cho Ông Châu Đại Q vay tiền để trả nợ cho Ngân hàng Q1 – Chi nhánh C với hình thức “Biên bản thỏa thuận nhận nợ” có nội dung thỏa thuận: Công ty TNHH P1 (ông Huỳnh Văn D là người đại diện theo pháp luật) nhận và thanh toán khoản tiền nợ mà Công ty TNHH T (Ông Châu Đại Q là người đại diện theo pháp luật) đang nợ Ngân hàng Q1 – Chi nhánh C là 3.125.488.238 đồng và Công ty TNHH T có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH P1 số tiền 2.585.921.051 đồng, mỗi tháng trả 200.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty TNHH P1 mở tại Ngân hàng V Chi nhánh Quận Y. Công ty TNHH P1 đã thực hiện xong thỏa thuận trả nợ thay trên, nhưng phía Công ty TNHH T không thực hiện cam kết trả nợ mỗi tháng 200.000.000 đồng cho Công ty TNHH P1 và thực chất khoản tiền trả nợ thay trên là tiền của cá nhân ông Huỳnh Văn D cho cá nhân Ông Châu Đại Q

vay để Ông Châu Đại Q giải quyết khó khăn của Công ty, Ông Châu Đại Q nên đến ngày 17/11/2014 các ông đã Lập biên bản xác định nợ cá nhân có nội dung như sau: Các bên thỏa thuận thống nhất chuyển số nợ của 02 Công ty: Công ty TNHH P1 và Công ty TNHH T là 2.500.000.000 đồng cho hai cá nhân chịu trách nhiệm trả nợ thay và nhận nợ thay là: Ông Châu Đại Q chịu trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn D số tiền nợ 2.500.000.000 đồng, không tính lãi với thời gian trả nợ như sau: Ngày 17/11/2014 thanh toán 300.000.000 đồng, ngày 24/11/2014 thanh toán 200.000.000 đồng và 2.000.000.000 đồng thanh toán trong thời hạn 08 tháng tiếp theo, mỗi tháng ít nhất là 150.000.000 đồng.

Ông Châu Đại Q đã thực hiện được 01 phần các thỏa thuận trên là đã trả cho ông Huỳnh Văn D tổng số tiền 300.000.000 đồng, sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà cứ đến hạn lại hẹn nên đến ngày 04/4/2016 ông Huỳnh Văn D khởi kiện bổ sung yêu cầu Ông Châu Đại Q thanh toán tiếp số tiền còn nợ gốc là 2.200.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc phải trả tạm tính là 937.200.000 đồng và số tiền nợ tạm trả là 85.000.000 đồng; Tổng cộng là: 3.222.200.000 đồng làm một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Khoản nợ thứ hai: Vào tháng 7/2014, ông Huỳnh Văn D cho Ông Châu Đại Q mượn tiền để ông trả nợ cho Ngân hàng M- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (MBAMC-HCM) đồng thời giải tỏa lô gỗ ông thế chấp để bảo đảm khoản nợ vay, Ông Q hứa sau khi lấy lại được lô gỗ ông sẽ trả lại tiền cho ông D. Từ ngày 24/7/2014 đến ngày 31/7/2014 ông D đã chuyển tiền cho Ông Q mượn tiền theo các giấy nộp tiền như sau: Ngày 31/7/2014 ông Huỳnh Văn D chuyển tiền cho ông Châu Đại Q mượn: 168.300.000 đồng; Ngày 25/7/2014 ông Huỳnh Văn D chuyển tiền cho ông Châu Đại Q mượn: 500.000.000 đồng; Ngày 24/7/2014 ông Huỳnh Văn D chuyển tiền cho Ông Châu Đại Q mượn: 471.800.000 đồng; Ngày 31/7/2014 ông Huỳnh Văn D chuyển tiền cho ông Châu Đại Q mượn: 48.643.133 đồng; Ngày 31/7/2014 ông Huỳnh Văn D chuyển tiền cho ông Châu Đại Q mượn: 53.019.649 đồng; Ngày 31/7/2014 ông Huỳnh Văn D chuyển tiền cho ông Châu Đại Q mượn: 183.200.000 đồng; Tổng cộng là 1.424.962.782 đồng. Ông Châu Đại Q đã dùng số tiền vay của ông Huỳnh Văn D giải chấp ngân hàng lấy lại số gỗ trên nhưng vẫn không trả lại tiền cho ông Châu Đại Q như thỏa thuận nên ông Huỳnh Văn D đã khởi kiện ra Tòa án Quận Y yêu cầu Tòa án buộc ông Châu Đại Q trả toàn bộ số tiền: 1.424.962.782 đồng làm một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

*Đại diện bị đơn – bà Nguyễn Minh L trình bày:* Giữa ông Huỳnh Văn D và ông Châu Đại Q không có khoản tiền vay cá nhân. Công ty TNHH T (do Ông Q đại diện) có thỏa thuận với Công ty TNHH P1 (do ông D đại diện) vào ngày 05/6/2013 hoán đổi nợ cho nhau, cụ thể: Công ty P1 chịu trách nhiệm trả số nợ Công ty T vay ngân hàng Q1 – Chi nhánh Quận 5, số tiền 3.125.488.238 đồng (Ba tỷ một trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn hai trăm ba mươi tám đồng) và lãi phát sinh; Công ty TNHH T chịu trách nhiệm trả khoản nợ của Công ty TNHH P1 tại Ngân hàng V – Chi nhánh Quận Y số tiền 2.585.921.051 đồng. Theo thỏa thuận này, Công ty TNHH P1 đã thực hiện xong

nghĩa vụ nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng Q1 để nhận toàn bộ lô gỗ thể chấp theo hợp đồng của Ngân hàng. Do biên bản thỏa thuận ngày 05/6/2013 không có Ngân hàng Q1 tham gia nên về nguyên tắc thì Ngân hàng chỉ thanh quyết toán Hợp đồng vay với Ông Q và tất cả các phiếu thu đều ghi tên Công ty TNHH P1; Còn số nợ tại Ngân hàng V của Công ty P1 thì ông Q chưa thực hiện do Công ty TNHH T đang tạm ngưng hoạt động. Công ty TNHH T vẫn đang thực hiện trả dần số nợ 2.500.000 đồng và đã trả được 350.000.000 đồng. Bà đại diện cho Ông Q xác nhận nợ này với tư cách Công ty TNHH T chứ không phải nợ cá nhân ông Châu Đại Q nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc cá nhân ông Châu Đại Q phải trả nợ cho ông Huỳnh Văn D.

Đối với khoản nợ 1.424.962.782 đồng, bà Nguyễn Minh L đại diện cho Ông Q không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn vì đây là khoản nợ của 02 Công ty (Công ty TNHH P1 và Công ty TNHH T) chứ cá nhân Ông Châu Đại Q không nợ. Mặt khác, cộng nợ này đã được giải quyết thông qua việc hoán đổi nợ theo biên bản làm việc ngày 24/7/2017.

*Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Minh L trình bày:* Công ty TNHH T đồng ý chịu trách nhiệm trả khoản nợ của Công ty TNHH P1 tại Ngân hàng V – Chi nhánh Quận Y số tiền 2.585.921.051 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu chín trăm hai mươi một ngàn không trăm năm mươi một đồng). Nhưng do, Công ty TNHH T tạm ngưng hoạt động từ năm 2013 tới nay nên có khó khăn chưa trả nợ được cho Ngân hàng V. Ông Q (đại diện công ty T) vẫn thực hiện việc trả dần số nợ này cho Công ty P1. Hai công ty chưa đối chiếu cụ thể số tiền đã trả.

Công ty TNHH T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn D và Công ty P1 đối với số tiền: 1.424.962.782 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm tám mươi hai đồng). Lý do là hai Công ty thỏa thuận hoán đổi nợ cho nhau, khi hoán đổi nợ thì không có sự tham gia của Ngân hàng Q1 – Chi nhánh H6 nên các chứng từ ông D và Công ty P1 nộp vào Ngân hàng thì vẫn ghi tên Công ty T. Thực chất Công ty P1 nộp để nhận lô gỗ thể chấp tại Ngân hàng Q1. Công ty P1 đã nhận gỗ và bán hết, coi như hai công ty không còn liên quan đến khoản nợ gốc và lãi tại Ngân hàng Q1 chi nhánh Quận B4.

*Ông Huỳnh Văn D là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH P1 trình bày:* Nội dung biên bản làm việc xử lý công nợ cá nhân ngày 17/11/2014 là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật, thể hiện đúng ý chí của Công ty TNHH P1 là chuyển giao quyền được nhận tiền nợ đối với khoản nợ 2.500.000.000 đồng mà Công ty TNHH T còn nợ Công ty TNHH P1 cho cá nhân ông Huỳnh Văn D và cá nhân ông Huỳnh Văn D cũng đồng ý thỏa thuận này.

Do Công ty TNHH P1 đã chuyển giao quyền được nhận số tiền 2.500.000.000 đồng mà Công ty TNHH T còn nợ Công ty TNHH P1 nên Công ty TNHH P1 không còn yêu cầu trả nợ đối với Công ty TNHH T nên việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn trong vụ án không liên quan đến Công ty

TNHH P1 vì vậy đề nghị Tòa án không đưa Công ty TNHH P1 vào tham gia tố tụng trong vụ án

*Ông Nguyễn Ngọc Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH P1 trình bày:* Ông Nguyễn Ngọc Q là bạn của ông Huỳnh Văn D và Ông Châu Đại Q. Thực tế số tiền 2.500.000.000 đồng mà Công ty TNHH T còn nợ Công ty TNHH P1 là tiền cá nhân ông Huỳnh Văn D cho Ông Châu Đại Q vay để giải quyết khó khăn của Công ty TNHH T nên trước đó các bên đã xác nhận số nợ này dưới hình thức là Công ty TNHH T nợ Công ty TNHH P1 vì vậy hai bên Công ty và cá nhân ông Huỳnh Văn D, Ông Châu Đại Q đã lập biên bản xác nhận công nợ cá nhân ngày 17/11/2014 cho đúng với thực tế của sự việc. Do việc tranh chấp nợ trên là tranh chấp vay mượn tiền giữa ông Huỳnh Văn D và Ông Châu Đại Q không liên quan đến ông nên đề nghị Tòa án không đưa ông (ông Nguyễn Ngọc Q) vào tham gia tố tụng trong vụ án.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:* Ngày 07/10/2014, nguyên đơn có đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 1.424.962.782 đồng. Nay nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải hoàn trả lại số tiền 1.424.962.782 đồng trong vụ án này

Ngày 04/4/2016, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền là 3.222.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.200.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính là 937.200.000 đồng và số tiền nợ tạm trả là 85.000.000 đồng. Nay nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 2.150.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền nợ gốc phải trả là 2.150.000.000 đồng x 10%/năm x 36 tháng (Tính từ ngày 25/7/2015 đến ngày 25/7/2018) = 645.000.000 đồng; Tổng cộng: 2.795.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Tại Bản án sơ thẩm số 356/2018/DS-ST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt bị đơn Ông Châu Đại Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T

2. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Châu Đại Q có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn D số tiền là 2.795.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn D về việc: không yêu cầu Tòa án xem xét buộc Ông Châu Đại Q phải hoàn trả lại số tiền 1.424.962.782 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm tám mươi hai ngàn đồng) và số tiền nợ tạm treo là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Châu Đại Q chưa hoàn trả số tiền trên thì ông Huỳnh Văn D có quyền yêu cầu thanh toán lãi với lãi suất theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm trả.

#### 4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Châu Đại Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 87.900.000 đồng (Tám mươi bảy triệu chín trăm ngàn đồng).

Ông Huỳnh Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Huỳnh Văn D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2011/09920 ngày 12/12/2014 và Biên lai thu số AA/2014/0009367 ngày 18/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp ông Châu Đại Q chậm thanh toán số tiền trên thì ông Huỳnh Văn D có quyền yêu cầu ông Châu Đại Q trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/9/2018, bị đơn – Ông Châu Đại Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH T, kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Tại Biên bản làm việc về việc xử lý nợ cá nhân ngày 17/11/2014 có tên ông Lê Hoàng M2 và ông Nguyễn Ngọc Q. Tuy nhiên, ông Lê Hoàng M2 chỉ là cán bộ công an kinh tế, đang phụ trách điều tra vụ án kinh tế mà bị đơn bị khởi tố nên đã chứng kiến và bảo lãnh cho bị đơn trả nợ. Việc ông M2 ký biên bản nhằm mục đích xác định nợ giữa các bên là nợ cá nhân và ông M2 bảo lãnh bằng uy tín của cán bộ cơ quan điều tra, không phải bảo lãnh trả nợ. Ông Nguyễn Ngọc Q cũng có lời khai xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì vậy, hai người này không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ thanh toán giữa nguyên đơn và bị đơn. Các giấy ủy nhiệm chỉ chỉ ghi tên cá nhân nguyên đơn, bị đơn mà không ghi tên các công ty vì thực chất khoản nợ này là nợ cá nhân. Tại phiên tòa sơ thẩm, do chưa thu thập đủ chứng cứ nên nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.424.962.782 đồng và sẽ khởi kiện sau. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH T trình bày:* Bị đơn chưa từng bị khởi tố và giữa bị đơn, nguyên đơn không có giao dịch với tư cách cá nhân. Biên bản thỏa thuận nhận nợ ngày 05/6/2013 là biên bản về việc hoán đổi nợ giữa hai công ty. Biên bản làm việc về việc xử lý nợ cá nhân ngày 17/11/2014 là sự tạo dựng và không đúng sự thật.

Biên bản làm việc về việc xử lý nợ cá nhân ngày 17/11/2014 có tên và chữ ký của 04 người nhưng không ghi thông tin về năm sinh, nơi cư trú của những người này, địa chỉ ký biên bản ngày 17/11/2014 không phải địa chỉ nhà của nguyên đơn, bị đơn và không biết là nhà ai nên không có cơ sở để xác định tính xác thực của biên bản này. Bản án sơ thẩm chỉ nhận định những yêu cầu của nguyên đơn mà không nhận định về các ý kiến trình bày của bị đơn và chứng cứ do bị đơn cung cấp là chưa đầy đủ. Khi bị đơn trả số tiền 350.000.000 đồng là bị đơn thực hiện nghĩa vụ theo biên bản làm việc ngày 05/6/2013 với tư cách là đại diện Công ty T và phiếu chuyển tiền cũng ghi rõ là trả theo biên bản ngày 05/6/2013. Vì vậy, bản án sơ thẩm nhận định bị đơn trả tiền cho nguyên đơn theo biên bản ngày 17/11/2014 là không đúng. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để đưa ông Lê Hoàng M2 và ông Nguyễn Ngọc Q vào tham gia tố tụng, làm rõ tính xác thực nội dung biên bản ngày 17/11/2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Biên bản làm việc về việc xử lý nợ cá nhân ngày 17/11/2014 có tên ông Lê Hoàng M2 và ông Nguyễn Ngọc Q. Nội dung biên bản thể hiện quyền lợi và nghĩa vụ của ông Lê Hoàng M2, ông Nguyễn Ngọc Q đối với số nợ 2.500.000.000 đồng. Tòa cấp sơ thẩm không đưa ông Lê Hoàng M2, ông Nguyễn Ngọc Q tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Minh L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH T. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 356/2018/DS-ST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc Tòa cấp sơ thẩm không đưa ông Lê Hoàng M2, ông Nguyễn Ngọc Q vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thấy: Bản án sơ thẩm nhận định số tiền 2.500.000.000 đồng mà Công ty TNHH T còn nợ Công ty TNHH P1 là tiền cá nhân nguyên đơn cho bị đơn vay và sau đó nguyên đơn, bị đơn đã lập biên bản xác nhận công nợ cá nhân ngày 17/11/2014 cho đúng với thực tế nên đây là tranh chấp nợ việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn, bị đơn không liên quan đến Công ty TNHH T. Tuy nhiên, căn cứ Biên bản làm việc về việc xử lý nợ cá nhân ngày 17/11/2014 thì biên bản này

được lập giữa bên thanh toán là ông Châu Đại Q, ông Lê Hoàng M2 và bên nhận thanh toán là ông Huỳnh Văn D, ông Nguyễn Ngọc Q với nội dung thống nhất số nợ và phương thức thanh toán. Nội dung phần kết thúc cuộc họp thể hiện “Ông Châu Đại Q và ông Lê Hoàng M2 thanh toán cho ông Huỳnh Văn D và ông Nguyễn Ngọc Q: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Một tuần sau (24/11/2014): Ông Q và ông M2 thanh toán tiếp: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Số tiền còn lại 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) sẽ được thanh toán trong vòng 08 tháng tiếp theo, mỗi tháng ít nhất là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)”. Biên bản làm việc này có chữ ký của Ông Châu Đại Q, ông Lê Hoàng M2 và ông Huỳnh Văn D, ông Nguyễn Ngọc Q. Tại Biên bản thỏa thuận nhận nợ ngày 05/6/2013 và Biên bản làm việc về việc xử lý nợ cá nhân ngày 17/11/2014 cũng không có nội dung thể hiện số tiền 2.500.000.000 đồng Công ty TNHH T còn nợ Công ty TNHH P1 là tiền cá nhân nguyên đơn cho bị đơn vay. Theo Bản tự khai ngày 24/7/2018 (BL 113), ông Nguyễn Ngọc Q trình bày ông chỉ là người chứng kiến vụ việc, chữ ký của ông tại phần bên nhận thanh toán trong Biên bản làm việc ngày 17/11/2014 là xác nhận của ông về việc cá nhân ông D dùng tiền của mình cho Ông Châu Đại Q vay và ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Đây chỉ là lời khai từ phía ông Nguyễn Ngọc Q, không phải căn cứ để xác định Ông Q không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, khi giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Biên bản làm việc ngày 17/11/2014, Tòa án phải đưa ông Lê Hoàng M2, ông Nguyễn Ngọc Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn và Công ty TNHH T là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm không đưa Công ty TNHH P1 vào tham gia tố tụng trong vụ án nhưng tại trang số 5 phần nhận thấy của bản án lại ghi “*Ông Nguyễn Ngọc Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH P1 trình bày*” trong khi tại bản tự khai ngày 24/7/2018, ông Nguyễn Ngọc Q trình bày với tư cách cá nhân, không phải với tư cách là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P1. Ông Nguyễn Ngọc Q yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông chứ không yêu cầu Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như bản án sơ thẩm đã nêu.

[2]. Về nội dung: Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ 1.424.962.782 đồng và số tiền nợ tạm treo là 85.000.000 đồng nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút là đúng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã sử dụng từ ngữ không chính xác khi quyết định “Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn D về việc: không yêu cầu Tòa án xem xét buộc Ông Châu Đại Q phải hoàn trả lại số tiền...”. Trường hợp này phải quyết định “Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn D về việc yêu cầu ông Châu Đại Q phải trả số tiền...”.

Bản án sơ thẩm đã tuyên không đúng về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong giai đoạn thi hành án khi vừa quyết định “Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu Ông Châu Đại Q chưa hoàn trả số tiền trên thì ông Huỳnh Văn D có quyền yêu cầu thanh toán lãi với lãi suất theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm trả.” và vừa quyết định “Trong trường hợp ông Châu Đại Q chậm thanh toán số tiền trên thì ông Huỳnh Văn D có quyền yêu cầu ông Châu Đại Q trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.”. Tòa cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp dân sự nhưng lại áp dụng lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là không đúng quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – Ông Châu Đại Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH T, hủy bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí

Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Châu Đại Q và Công ty TNHH T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Ông Châu Đại Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH T. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 356/2018/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

2.1. Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho Ông Châu Đại Q theo Biên lai thu số 0026190 ngày 19/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho Công ty TNHH T theo Biên lai thu số 0026191 ngày 19/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Y;
- THADS Quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu (T/23)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huyền**